

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: NGỮ VĂN 10 - NĂM HỌC 2024 - 2025

A. Giới hạn chương trình: Hết tuần 8 theo PPCT (Bài 2 SGK)

B. Cấu trúc đề thi

- Thời gian làm bài: 90 phút
- Hình thức làm bài: **Tự luận** (100%)
- Cấu trúc đề thi: Gồm 2 phần: **Độc hiểu** (4,0 điểm) và **Viết** (6,0 điểm)
 - + **Độc hiểu:** gồm 5 câu hỏi tự luận (theo các mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng)
 - + **Viết:** Nghị luận xã hội và nghị luận văn học
- Câu 1:** Đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ (2,0 điểm)
- Câu 2:** Bài văn nghị luận khoảng 400 chữ (4,0 điểm)

C. Kiến thức cần ôn tập

I. Kiến thức đọc hiểu và câu hỏi liên quan

- Thể loại văn bản, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ,...
- Các biện pháp tu từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và tác dụng/hiệu quả nghệ thuật.
- Nội dung/chủ đề văn bản.
- Ý nghĩa từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, câu/ đoạn, văn bản.
- Nhận xét, giải thích, bày tỏ quan điểm về một vấn đề mà tác giả thể hiện trong văn bản.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về vấn đề trong đoạn trích/tác phẩm; nêu thông điệp/ bài học có ý nghĩa nhất và lí giải, ...

** Lưu ý hướng dẫn HS cách trả lời một số dạng câu hỏi đọc hiểu có thể gặp trong đề thi.*

II. Kiến thức phục vụ phần Viết

1. Kiến thức Ngữ văn

a. Kiến thức trọng tâm

- Thần thoại
- Sử thi
- Thơ Đường luật

Lưu ý:

- + Đọc kĩ, nắm chắc phần kiến thức ngữ văn trong SGK.
- + Ngữ liệu trong đề thi là những văn bản, đoạn văn bản nằm ngoài chương trình (cùng thể loại với những văn bản đã học).

b. Yêu cầu cần đạt

Thần thoại và sử thi	Thơ Đường luật
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thần thoại, sử thi như: <i>không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...</i> - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản, phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của bản thân; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm. Liên hệ để thấy được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các	- Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức (<i>hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình, ...</i>) trong bài thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. - Phân tích và đánh giá được chủ đề, cảm hứng chủ đạo, tình cảm, cảm xúc, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách

tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau. Liên hệ những vấn đề của các thể loại này với cuộc sống hiện nay.	nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
---	--

2. Các kiểu bài viết

- Nghị luận về một vấn đề xã hội (tư tưởng đạo lí/ hiện tượng đời sống/ vấn đề xã hội được gọi ra từ tác phẩm)
- Nghị luận văn học (đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một đoạn trích thuộc thể loại thần thoại, sử thi hoặc một tác phẩm thơ Đường luật).

D. Đề thi tham khảo/ luyện tập

ĐỀ 1

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau

NỮ THẦN MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG

(Thần thoại Việt)

Vua trên trời là Ngọc Hoàng có hai cô con gái đẹp. Ngọc Hoàng yêu quý hai nàng nên cho các nàng hàng ngày luân phiên nhau đi xem xét mọi việc của hạ giới để báo lại cho nhà Trời. Cô gái đầu tên là Mặt Trời được ngồi kiệu hoa có bốn người khiêng. Bốn người này chia làm hai tốp: một tốp già và một tốp trẻ. Tốp các cụ già khiêng kiệu luôn luôn lo làm tròn phận sự, chăm chỉ vào công việc nên cô Mặt Trời thường đi một vòng rất nhanh. Còn tốp trẻ bản tính la cà nên những lần được phân công khiêng kiệu thường về muộn. Vì thế, mỗi lần Mặt Trời đi với tốp trẻ thì ngày dài, và đi với tốp già thì ngày lại ngắn.

Mặt Trăng là cô em tính tình nóng nảy còn hơn cả cô chị. Sức nóng của cô đã làm hại cho con người và muôn vật khá nhiều, ấy thế mà cô vẫn cứ chống lòn (1), đi đâu cũng sà vào khiến cho nhân dân vô cùng kinh hãi. Trần gian khổ sở vì cô Mặt Trăng, họ đã kêu ca rất nhiều, tiếng kêu thấu lên Thượng giới khiến cho bà mẹ đã định lấy tro mà bôi lên mặt cô để giảm bớt sức nóng đi. Nhưng Ngọc Hoàng chiều con, nên không để cho vợ làm việc ấy.

Bấy giờ ở dưới trần có một chàng trai tên là Quả. Quả là con mồ côi nhưng lại có một thân thể cực kỳ to lớn và sức khỏe tuyệt vời. Trước những hành động tai ác của cô Mặt Trăng, Quả quyết tâm trị cho một mẻ. Anh ta đón đường cô Trăng trên một đỉnh núi cao và trử sẵn một đồng cát thật lớn. Hôm ấy, cô Mặt Trăng vẫn quen thói cũ vừa đi vừa sà xuống để nhìn muôn vật. Quả chờ cho cô ta đến gần rồi bất thành lình bốc cát ném túi bụi vào mắt, vào mặt mũi cô. Cô Trăng đang rong chơi, bị tấn công đột ngột, nhắm mắt lại nhưng đất đã dính đầy mặt và chui cả vào trong mắt. Cô ta hốt hoảng vội vụt bay lên cao, lảng ra xa chỗ Quả đứng. Từ đó trở đi cô không dám sà xuống gần mặt đất nữa. Mặt mũi cô bị cát dính chặt nên không còn sáng được như xưa. Sau này tính tình của cô trở nên dịu dàng, hiền lành hơn, ở dưới trần ai cũng thích. Người ta nói mỗi lần cô ngoảnh mặt xuống nhân gian thì lúc đó là trăng rằm, cô quay lưng tức là ba mươi, mừng một, còn cô trở sang trái, sang phải tức là thời kỳ trăng hạ huyền (2) hoặc thượng huyền (3). Còn những khi trăng quầng, ấy là lúc cát bụi trát mặt bị gió thổi bay tung ra.

Lại nói chuyện chồng của hai nữ thần này. Đó là một con gấu rất to khỏe. Không rõ gấu từ đâu đến và Ngọc Hoàng đã gả các cô gái của mình cho gấu từ bao giờ. Chỉ biết rằng gấu rất hay ghen nên theo dõi sự đi lại của hai vợ mình rất chặt chẽ. thỉnh thoảng gấu lại đòi chung tình với một người. Lúc đó là lúc ở dưới trần gian thường gọi là nhật thực hay nguyệt thực. Gặp những ngày này, nhân gian lại phải đánh chiêng, đánh trống

rằm rĩ để cho gấu sợ mà lui ra mau. Vì gấu làm như vậy thì có hại cho mùa màng và các nữ thần này cũng vì vậy mà xao nhãng công việc.

(Theo Viện Văn học, *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập I: thần thoại - truyền thuyết, NXB Giáo dục, 1999, tr.61 - 62)

Chú thích:

(1) *Chống lòn*: (cách ăn nói) cụt lùn và vói vể hỗn xược, gây khó chịu

(2) *Hạ huyền*: thời gian vào khoảng đầu tuần cuối cùng của tháng âm lịch, Mặt Trăng đã khuyết thành hình bán nguyệt (thường là ngày 22 hoặc 23 âm lịch)

(3) *Thượng huyền*: thời gian vào khoảng giữa của nửa đầu tháng âm lịch, khi Mặt Trăng có hình bán nguyệt (thường là các ngày 7, 8, 9 âm lịch)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện?

Câu 2. Trong văn bản, nhân vật Quải được miêu tả là người như thế nào?

Câu 3. Theo anh/ chị, chi tiết Quải ném cát túi bụi vào Mặt Trăng được tác giả dân gian xây dựng nhằm mục đích gì?

Câu 4. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu văn sau: *Cô Trăng đang rong chơi, bị tấn công đột ngột, nhắm mắt lại nhưng đất đã dính đầy mặt và chui cả vào trong mắt. Cô ta hốt hoảng vội vụt bay lên cao, lảng ra xa chỗ Quải đứng.*

Câu 5. Qua văn bản, cách giải thích các hiện tượng tự nhiên có giống với cách giải thích mà anh/ chị biết không? Giải thích lí do?

PHẦN II: VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về sức mạnh của niềm tin.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của truyện *Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng*.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Ngôi kể của người kể chuyện: ngôi thứ ba.	0,5
	2	Trong văn bản, nhân vật Quải được miêu tả là người mồ côi, có một thân thể cực kì to lớn và sức khỏe tuyệt vời.	0,5
	3	Chi tiết Quải ném cát túi bụi vào Mặt Trăng được tác giả dân gian xây dựng nhằm mục đích: - Mô tả mối xung đột giữa con người với tự nhiên. - Thể hiện ước mơ chế ngự tự nhiên của con người trong thời đại thần thoại.	1,0
	4	Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong câu văn: - Biện pháp nghệ thuật: Nhân hóa: <i>Cô Trăng đang rong chơi, nhắm mắt lại, Cô ta hốt hoảng, lảng ra xa...</i> - Tác dụng: + Khắc họa hình ảnh mặt trăng trở thành một sinh thể sống động với hành động, tính cách giống hệt như con người. + Tăng sức gợi hình, gợi cảm; làm cho câu văn trở nên lôi cuốn, hấp dẫn hơn.	1,0
	5	Qua văn bản, cách giải thích các hiện tượng tự nhiên có giống với	1,0

		cách giải thích mà anh/ chị biết không? Giải thích lí do. - Bằng hiểu biết của bản thân, học sinh trình bày quan điểm cá nhân về việc giải thích hiện tượng tự nhiên trong văn bản. - Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục. (Gợi ý: Trên thực tế, cách giải thích mà học sinh biết chủ yếu dựa trên kiến thức khoa học, khác hoàn toàn với cách giải thích mang đậm yếu tố chủ quan, thể hiện trình độ nhận thức còn “ngây thơ”, “non nớt” của con người trong truyện thần thoại).	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về sức mạnh của niềm tin. <i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành <i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> sức mạnh của niềm tin <i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Niềm tin trong cuộc sống mang đến cho chúng ta nguồn sức mạnh để hành động: + Niềm tin tạo động lực giúp con người có đủ sức mạnh để hành động. Và chỉ khi hành động bằng niềm tin, con người mới đạt được kết quả như mong muốn. + Niềm tin mở ra hoài bão và ước mơ. Mơ ước, hoài bão của bất cứ ai cũng được xây dựng từ niềm tin. Có niềm tin con người sẽ biến ước mơ hoài bão thành sự thật. Trên thực tế đã có rất nhiều những ước mơ kỳ lạ trở thành hiện thực nhờ niềm tin. Ví dụ như những phát minh tàu không gian bay vào vũ trụ. Chính nhờ niềm tin, con người mới có được động lực để phát minh, sáng tạo và chinh phục ước mơ đó. + Niềm tin tạo nên nguồn năng lượng tích cực. Niềm tin giúp bạn vận động, tạo ra nguồn năng lượng tích cực để hành động. Từ niềm tin, con người mới có lòng nhiệt thành, có động lực để học hỏi, từ đó trở nên lạc quan tích cực và mạnh mẽ hơn. + Có thể rút ra thông điệp/ bài học cho bản thân từ vấn đề nghị luận. Ý thức được bản thân cần có bản lĩnh trong cuộc sống và rút ra bài học hành động phù hợp cho bản thân. - Khẳng định lại quan điểm đã trình bày: niềm tin có sức mạnh vô cùng lớn lao trong công việc và cuộc sống. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn. <i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu	2,0 0,25 0,25 0,5 0,5 0,25

		trong đoạn văn.	
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
2		Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của truyện <i>Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng</i>.	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề Chủ đề và đặc sắc nghệ thuật truyện thần thoại <i>Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng</i>	0.25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		* Giới thiệu truyện thần thoại <i>Nữ thần Mặt Trời và Mặt Trăng</i> và nêu nội dung khái quát cần phân tích. Hướng dẫn chấm: - Giới thiệu truyện kể: 0.25 điểm - Khái quát nội dung cần phân tích : 0.25 điểm	0.5
		* Chủ đề - Truyện xoay quanh việc lý giải các hiện tượng thiên nhiên mặt trời và mặt trăng. - Khát vọng tìm hiểu thế giới, chinh phục tự nhiên của con người. - Thể hiện sự tôn trọng trí tuệ dân gian trong việc hình dung về thế giới. * Đặc sắc nghệ thuật - Thể hiện đặc trưng của Thần thoại (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật) để phân tích về giá trị nghệ thuật trong truyện. - Trí tưởng tượng phong phú, trực quan sinh động, nhiều chi tiết thú vị, hấp dẫn. Hướng dẫn chấm: - Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2.0 điểm - Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1.25 điểm - 1.75 điểm. - Trình bày chung chung, chưa rõ: 0.25 điểm - 1.0 điểm	2.0
		* Đánh giá: - Tổng kết lại giá trị về chủ đề và nghệ thuật, thông điệp câu chuyện - Nêu suy nghĩ, nhận thức bản thân. Hướng dẫn chấm: Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0.25 điểm.	0.5
		* Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
		* Sáng tạo Vận dụng hợp lý các thao tác nghị luận; thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.	0.25

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Khi Uy-lít-xơ từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần. Người lại trở về chỗ cũ, ngồi đối diện với Pê-nê-lốp, trên chiếc ghế bành ban nãy, rồi nói với nàng:

- Khốn khổ! Hẳn là các thần trên núi Ô-lem-pơ đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết trong đám đàn bà yếu đuối, vì một người khác chắc chắn không bao giờ có gan ngồi cách xa chồng như thế, khi chồng đi biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới được trở về xứ sở. Thôi, già ơi! Già hãy kê cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình, như bấy lâu nay, vì trái tim trong ngực nàng kia là sắt.

Pê-nê-lốp thận trọng đáp:

- Khốn khổ! Tôi không coi thường, coi khinh ngài, cũng không ngạc nhiên đến rối trí đâu. Tôi biết rất rõ ngài như thế nào khi ngài từ già I-tác ra đi trên một chiếc thuyền có mái chèo dài. Vậy thì, Ô-ri-clê ! Già hãy kê giường chắc chắn ra khỏi gian phòng vách tường kiên cố do chính tay Uy-lít-xơ xây lên, rồi lấy da cừu, chăn và vải đẹp trải lên giường.

Nàng nói vậy để thử chồng, nhưng Uy-lít-xơ bỗng giật mình nói với người vợ thận trọng:

- Nàng ơi, nàng vừa nói một điều làm cho tôi chợt dạ. Ai đã xê dịch giường tôi đi chỗ khác vậy? Nếu không có thần giúp đỡ thì dù là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này. Nếu thần linh muốn xê dịch đi thì dễ thôi, nhưng người trần dù đang sức thanh niên cũng khó lòng lay chuyển được nó. Đây là một chiếc giường kì lạ, kiến trúc có điểm rất đặc biệt, do chính tay tôi làm lấy chứ chẳng phải ai [...]

Người nói vậy, và Pê-nê-lốp bủn rủn cả chân tay, nàng thấy Uy-lít-xơ tả đúng mười mươi sự thực. Nàng bèn chạy ngay lại, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng, hôn lên trán chồng và nói:

- Uy-lít-xơ! Xin chàng chớ giận thiếp, vì từ xưa nay chàng vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan. Ôi! Thần linh đã dành cho hai ta một số phận xiết bao cay đắng vì người ghét ghen ta, không muốn cho ta được sống vui vẻ bên nhau, cùng nhau hưởng hạnh phúc của tuổi thanh xuân và cùng nhau đi đến tuổi già đầu bạc. Vậy giờ đây, xin chàng chớ giận thiếp, cũng đừng trách thiếp về nỗi gặp chàng mà thiếp không âu yếm chàng ngay. Thiếp luôn luôn lo sợ có người đến đây, dùng lời đường mật đánh lừa, vì đời chẳng thiếu gì người xảo quyệt, chỉ làm điều tai ác... Giờ đây, chàng đã đưa ra những chứng cứ rành rành, tả lại cái giường không ai biết rõ, ngoài chàng với thiếp và Ác-tô-rít, một người thị tì của cha thiếp cho, khi thiếp về đây, và sau đó giữ cửa gian phòng vách tường kiên cố của chúng ta. Vì vậy chàng đã thuyết phục được thiếp và thiếp phải tin chàng, tuy lòng thiếp rất đa nghi.

Nàng nói vậy, khiến Uy-lít-xơ càng thêm muốn khóc. Người ôm lấy người vợ xiết bao thân yêu, người bạn đời chung thủy của mình mà khóc dầm dề.

(Trích Ô-đi-xê, sử thi Hy Lạp, HÔ-ME-RÔ, theo bản dịch ra văn xuôi của PHAN THỊ MIỄN, NXB Văn học, Hà nội, 1983)

Câu 1. Xác định các nhân vật chính trong đoạn trích.

Câu 2. Nêu nội dung của văn bản.

Câu 3. Chi tiết *chiếc giường* được nhắc đến mấy lần? Nêu ý nghĩa chi tiết *chiếc giường* trong đoạn trích.

Câu 4. Việc chọn cách thử “bí mật của chiếc giường” cho thấy vẻ đẹp gì về trí tuệ và tâm hồn nàng Pê-nê-lốp?

Câu 5. Từ văn bản trên, anh chị hãy bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của lòng chung thủy trong tình yêu.

PHẦN II: VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về sự cần thiết của việc làm chủ bản thân

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích ở phần đọc hiểu

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Các nhân vật chính: Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp.	0,5
	2	Nội dung chính: Nàng Pê-nê-lốp đưa ra phép thử chiếc giường để thử thách Uy-lít-xơ và màn đoàn tụ của hai vợ chồng.	0,5
	3	- Chi tiết <i>chiếc giường</i> được nhắc đến 4 lần, trong đó Pê-nê-lốp nói đến 2 lần, Uy-lít-xơ nhắc đến 2 lần. - Ý nghĩa chi tiết <i>chiếc giường</i> trong văn bản: + Chiếc giường là biểu tượng hạnh phúc của vợ chồng; + Chiếc giường trở thành phép thử để hai vợ chồng Uy-lít-xơ nhận ra nhau, giải tỏa mọi nghi ngờ. + Đây là sáng tạo nghệ thuật của tác giả Hô-me-rơ giúp câu chuyện thêm hấp dẫn.	1,0
	4	Việc chọn cách thử “bí mật của chiếc giường” cho thấy vẻ đẹp trí tuệ và tâm hồn: + Cho thấy Pê-nê-lốp là một người khôn ngoan và thận trọng, không dễ bị những lời đường mật đánh lừa. + Chứng tỏ tấm lòng thủy chung của nàng Pê-nê-lốp bởi nếu chiếc giường đã bị chuyển đi hoặc đã không còn là bí mật của riêng hai vợ chồng nữa thì cũng có nghĩa là lòng thủy chung của Pê-nê-lốp cũng không còn nguyên vẹn. Phép thử ấy đã khắc sâu phẩm chất kiên trinh của Pê-nê-lốp.	1,0
	5	Suy nghĩ về ý nghĩa của lòng chung thủy trong tình yêu: + Lòng chung thủy sẽ là chất keo gắn kết hôn nhân, là cơ sở để tạo nên tình yêu bền vững và hạnh phúc gia đình. + Lòng chung thủy sẽ tạo nên sức mạnh để lứa đôi có thể vượt qua bao khó khăn, cám dỗ để có thể cùng nhau đi đến cuối con đường hạnh phúc. + Lòng chung thủy cũng sẽ tạo nên niềm tin mãnh liệt để lứa đôi luôn hướng về nhau dù ở xa nhau.	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về sự cần thiết của việc làm chủ bản thân.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn:</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150	0,25

		chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành	
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> sự cần thiết của việc làm chủ bản thân.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Làm chủ được bản thân sẽ tránh được tâm lý đám đông, giúp ta có chính kiến, khẳng định được giá trị, vị thế riêng trong xã hội. + Làm chủ được bản thân chắc chắn sẽ khiến cuộc sống mỗi người trở nên an toàn, thành công hơn. + Muốn làm chủ được bản thân, hơn ai hết, mỗi người trước tiên phải hiểu rõ về bản thân mình. + Không làm chủ được bản thân sẽ dễ bị sa ngã bởi những cám dỗ của cuộc sống dẫn đến những hậu quả khôn lường. + Mỗi cá nhân làm chủ được bản thân sẽ có cuộc sống tự do hạnh phúc... - Ý thức được bản thân cần làm chủ được bản thân trong cuộc sống và rút ra bài học hành động phù hợp cho bản thân. - Khẳng định lại quan điểm đã trình bày: việc làm chủ bản thân rất cần thiết và càng cần thiết hơn trong thời đại ngày nay. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.	0,5
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
2		Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích ở phần đọc hiểu	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề</i> Nội dung và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích ở phần đọc hiểu	0.25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách; đảm bảo các yêu cầu sau:	

	* Giới thiệu đoạn trích và nêu nội dung khái quát cần phân tích. Hướng dẫn chấm: - Giới thiệu truyện kể: 0.25 điểm - Khái quát nội dung cần phân tích : 0.25 điểm	0.5
	* Cuộc đấu trí giữa Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp - Lời thử thách: + Pê-nê-lốp ngầm ngỏ ý thử thách với Uy-lít-xơ qua lời nói với con: Cha mẹ sẽ nhận được nhau một cách dễ dàng bởi cha mẹ có những dấu hiệu riêng chỉ hai người biết + Uy-lít-xơ chấp nhận lời thử thách ấy: Nghe nàng nói vậy, Uy-lít-xơ cao quý và nhẫn nại mỉm cười. → Sự tế nhị, khéo léo, thông minh của cả Uy-lít-xơ và Pê-nê-lốp - Quá trình thử thách: + Pê-nê-lốp: Sai người khiêng giường, bắt đầu thử thách. + Uy-lít-xơ miêu tả tỉ mỉ, cặn kẽ chiếc giường, giải mã bí mật của nó, thuyết phục hoàn toàn Pê-nê-lốp → Sự thông minh, khôn khéo của Pê-nê-lốp và sự nhạy bén của Uy-lít-xơ - Ý nghĩa biểu tượng của chiếc giường cưới: + Chứa đựng những bí mật, dấu hiệu riêng chỉ hai người biết. + Là phép thử để chứng minh thân phận vị khách và làm dịu đi kịch tính trong cảnh sum họp. + Gợi lại kỉ niệm tình yêu, hạnh phúc của hai người + Biểu tượng của sự thủy chung trong tình nghĩa vợ chồng. * Cảnh sum họp. - Pê-nê-lốp: + Bùn rùn chân tay, nước mắt chan hòa, ôm lấy cổ chồng + Giải thích, phân trần với chồng về thái độ lạnh lùng của mình + Nàng nhìn chồng không chán mắt, ôm cổ chồng không nở buông rời. - Uy-lít-xơ + Ôm lấy người vợ thân yêu, thủy chung + Xúc động khóc nước mắt đầm đề. → Cảm sum họp vô cùng cảm động, thể hiện tình yêu chân thành, thủy chung, sâu nặng của vợ chồng Uy-lít-xơ. * Nghệ thuật - Miêu tả tâm lí nhân vật cụ thể, chi tiết qua hành động, ngôn ngữ - Khắc họa những mâu thuẫn, xung đột - Ngôn ngữ trong sáng, giọng kể chậm rãi - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh, đối lập - Sử dụng các định ngữ: “Uy-lít-xơ cao quý”, “Pê-nê-lốp thận trọng” là cách dùng từ đặc trưng của thể loại sử thi. Hướng dẫn chấm: - Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2.0 điểm - Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1.25 điểm - 1.75 điểm. - Trình bày chung chung, chưa rõ: 0.25 điểm - 1.0 điểm	2.0
	* Đánh giá: - Tổng kết lại giá trị về nội dung và nghệ thuật, thông điệp câu	0.5

	chuyện - Nêu suy nghĩ, nhận thức bản thân. Hướng dẫn chấm: Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0.25 điểm.	
	* Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
	* Sáng tạo Vận dụng hợp lý các thao tác nghị luận; thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.	0.25

ĐỀ 3

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Thương thay phận gái cũng là người,
Nỡ bỏ xuân xanh quá nửa đời.
Ông Nguyệt 6 nữ nào trên quai mả,
Chị Hằng 7 khéo lẽ éo le thôi.
Hoa còn phong nhụy ong ve vãn,
Gió đã phai hương bướm tả tơi.
Quá ngán thợ trời 8 ghê gớm bấy,
Xuân xanh được mấy chút thương ôi.

(Trích: **Thương thay phận gái**, Hồ Xuân Hương, in trong *Thơ Nôm Hồ Xuân Hương*, Kiều Thu Hoạch biên soạn, NXB Văn học, Hà Nội, 2008)

Thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên sử dụng thể thơ nào?

Câu 2. Xác định phương thức xuất hiện của chủ thể trữ tình trong văn bản?

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đối trong hai dòng thơ sau:

Hoa còn phong nhụy ong ve vãn,
Gió đã phai hương bướm tả tơi.

Câu 4. Trình bày chủ đề của văn bản?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về sự khác biệt giữa thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và xã hội hiện nay.

PHẦN II: VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun trong văn bản sau:

(Tóm tắt: Xing Chơ Niếp là tù trưởng của một buôn làng giàu mạnh. Chàng lấy vợ là Hbra Lơ Tang, sinh được một người con trai đẹp lạ thường, đặt tên là Chiêm Tơ Mun. Hai vợ chồng làm lễ thổi tai cho con rất linh đình, nhưng quên không mời anh em nhà Đăm Chút. Đăm Chút lấy làm tức giận, bèn cùng hai em trai của mình là Đăm San và Đăm Chét kéo đến đánh buôn làng Xing Chơ Niếp, giết chết Xing Chơ Niếp và người anh trai của Xing

Chơ Niếp, bắt vợ của Xing Chơ Niếp về làm nô lệ. Chiêm Tô Mun may nhờ sự che chở của ông Trời nên đã thoát nạn, được vợ chồng người em gái của Xing Chơ Niếp nuôi dưỡng. Khi đã lớn khôn, biết được mối thù năm xưa, Chiêm Tô Mun đã tìm đến buôn làng của Đăm Chút để báo thù).

Qua bảy ngày, bảy tháng, bảy năm đánh nhau, sức Đăm Chút đã tàn, lực hăn đã cạn, chân nặng như đeo chì, cột đá. Chiêm Tô Mun dồn hăn vào núi lotang, đẩy hăn sang núi jut, cuối cùng hăn ngã giúi, nằm ngả nghiêng.

ĐĂM CHÚT: – *Ơ làm sao đây? Ta đã hết sức mẹ cho, cha dưỡng rồi.*

Chiêm Tô Mun giết chết Đăm Chút.

CHIÊM TÔ MUN: – *Ơ Đăm San! Mày hãy ra ngoài đi, ta đánh nhau sớm trước lúc sương chưa lên trời. Ta chỉ đánh chơi một ngày, một buổi, một chút thôi...*

ĐĂM SAN: – *Ơ Chiêm Tô Mun! Gan mày lớn bằng nào, mặt mày to bằng nào mà dám gọi tao? Hai người cùng nhảy lên trời. Mỗi lần Chiêm Tô Mun vẩy bên trái, Đăm San bay qua phải. Đăm San vọt bên phải, Chiêm Tô Mun vẫn đứng yên tại chỗ. Dao chạm nhau chan chát, tóe lửa.*

Lửa bắn ra như tàn đuốc, như gió thổi đổng tro tàn.

Sau năm ngày, năm tháng, năm năm, Đăm San hết sức mẹ cho, cha dưỡng. Hăn vượt qua mười đồi, tám suối, chín khe. Chiêm Tô Mun rượt theo, đuổi bắt. Đến đồi ole, Đăm San kiệt sức, tàn hơi. Hăn chết cứng đờ như cá horong gặp cạn, như con cọp đói mồi, không kịp nói chuyện với Chiêm Tô Mun.

Tới sân cây konia, Chiêm Tô Mun hét vang, gọi đến Đăm Chết.

CHIÊM TÔ MUN: – *Ơ Đăm Chết! Mày hãy lên đây...*

ĐĂM CHẾT: *Cha mẹ tao sinh ra tao là con trai để đánh giặc, mày với tao đi một lần, sinh cùng một nhíp trống, sao tao lại không lên?*

Đăm Chết vừa nhảy lên trời, Chiêm Tô Mun cũng nhảy theo ngay. Hăn muốn vượt cao hơn, nhưng Chiêm Tô Mun cũng bay cao không kém. Hai bên xóc vào nhau, núi nhão ra, rừng tụt lại. Mưa giông ập tới. Dòng sông ngập nước. Cây cối gãy đôi. Cuối cùng Đăm Chết kéo đao chạy. Hăn chạy trốn vượt qua đồi jut, giẫm lên rừng le, nhào qua đầm lầy, chui qua lũng hẹp. Nhưng Chiêm Tô Mun nắm được bả vai hăn, giật tóc, giúi hăn xuống đất, đẩy hăn xuống nước.

CHIÊM TÔ MUN: *Ơ Đăm Chết! Mày mau đi mà làm nhà với Đăm Chút và Đăm San ngoài rừng nhé.*

Không nghe thấy Đăm Chết trả lời, hăn đã chết từ lúc nào.

(Trích: **Xing Chơ Niếp**, sử thi Ê đê, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 40, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.165-166)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Sức mạnh của ngôn từ.*

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	NỘI DUNG	Điểm
Phần		ĐỌC HIỂU	4,0
I	1	Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. Hướng dẫn chấm:	0,5

	- HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời 2 phương thức, trong đó có 1 phương thức đúng: 0,25 điểm. - HS trả lời 3 phương thức trở lên, trong đó có 1 phương thức đúng: 0 điểm. - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	
2	Phương thức xuất hiện của chủ thể trữ tình: Xuất hiện gián tiếp (ẩn danh). Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 0,5 điểm - HS trả lời không đầy đủ: 0,25 điểm - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	0,5
3	Tác dụng của biện pháp tu từ đối trong hai dòng thơ: Hoa còn phong nhụy ong ve vãn, Gió đã phai hương bướm tả tơi. - Tạo sự hài hòa, cân đối cho câu thơ - Cho thấy sự éo le, hẩm hiu của thân phận người phụ nữ: khi còn xuân sắc thì bao người tìm đến, nhưng khi đã qua qua buổi xuân thì thì không còn có kẻ đoái hoài. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - HS nêu được 2 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của liệt kê: 0,75 điểm. - HS nêu được 1 ý về hiệu quả, không nêu biểu hiện của phép liệt kê: 0,5 điểm. - HS nêu biểu hiện của phép liệt kê, không nêu được hiệu quả của phép liệt kê: 0,25 điểm. - HS trả lời không đúng đáp án: 0 điểm	1,0
4	Chủ đề của văn bản: - Cho thấy thân phận hẩm hiu của người phụ nữ khi đã qua tuổi xuân xanh mà vẫn chưa tìm được hạnh phúc cho mình. - Bày tỏ thái độ thương cảm với số phận hẩm hiu ấy. - Ngâm lên án tạo hóa, cuộc đời đã sinh ra người phụ nữ “hồng nhan bạc phận”, “hồng nhan đa truân”. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm - HS trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - HS trả lời không đúng đáp án hoặc không trả lời: 0 điểm	1.0
5	Suy nghĩ gì về sự khác biệt giữa thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến và xã hội hiện nay: - Thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến: do bị ràng buộc bởi lễ giáo phong kiến, họ không được làm chủ, tự quyết định số phận, hạnh phúc của mình, chỉ như loài hoa để bướm ong ve vãn, chán chường rồi lại bỏ đi. - Thân phận người phụ nữ trong xã hội ngày nay: do đã được giải phóng khỏi những trói buộc của lễ giáo, họ có quyền chủ động trong việc tìm kiếm hạnh phúc, tự kiến tạo nên số phận của mình. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án: 1.0 điểm	1.0

II		PHẦN VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) làm rõ đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun trong văn bản “Xing Chơ Niép”.	2,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> - Dung lượng đoạn văn: khoảng 150 chữ - Hình thức: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun	0.25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Chiêm Tơ Mun là người anh hùng có sức mạnh phi thường: đánh nhau bảy ngày, bảy tháng, bảy năm với Đăm Chút; năm ngày, năm tháng, năm năm với Đăm Săn; rồi chàng lại tiếp tục đánh nhau với Đăm Chết nhưng sức lực vẫn tràn trề. - Chiêm Tơ Mun là người anh hùng có tài năng phi thường: nhờ tài năng ấy nên dù Đăm Chút, Đăm Săn, Đăm Chết đều là những kẻ thù có võ nghệ cao cường, nhưng cuối cùng Chiêm Tơ Mun vẫn đánh đuổi và giết chết được kẻ thù. - Chiêm Tơ Mun là hình ảnh đại diện cho sức mạnh cộng đồng, cho ước mơ về một tù trưởng vĩ đại, người có thể lãnh đạo và bảo vệ cộng đồng trước mọi thế lực xấu xa.	0,5
		d. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: đặc điểm của nhân vật sử thi được thể hiện qua hình tượng Chiêm Tơ Mun - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		đ. <i>Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		e. <i>Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: <i>Sức mạnh của ngôn từ.</i>	4,0
		a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Suy nghĩ về vấn đề: <i>Sức mạnh của ngôn từ.</i>	0,5
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị	1,0

	luận. * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: Giải thích: Ngôn từ là một phương thức biểu đạt suy nghĩ, truyền tải nội dung thông điệp được cá nhân diễn đạt thành lời nói hoặc văn bản. Nói cách khác, đó chính là phương tiện để con người giao tiếp. Ngôn từ có sức mạnh như thế nào? + Với mỗi cá nhân: ++ Ngôn từ là phương tiện dùng để biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, tư tưởng của con người. Ngôn từ có vai trò quan trọng trong việc thể hiện giá trị bản thân của một người. Cách sử dụng ngôn từ có thể phản ánh tính cách, phẩm chất, năng lực và đẳng cấp của họ. ++ Có rất nhiều người thành công bằng chính cách vận dụng ngôn từ, nhưng cũng có những người thất bại khi không biết sử dụng ngôn từ như thế nào. ++ Ngôn từ là biểu đạt, là cốt lõi thể hiện giá trị con người, đồng thời cũng là phương tiện để con người nhìn nhận và thay đổi bản thân, từ đó khẳng định mình với thế giới. ++ Ngôn từ không chỉ đơn thuần là một công cụ để giao tiếp mà còn có thể thúc đẩy tinh thần, khơi gợi cảm hứng, tạo động lực và thậm chí là thay đổi thế giới xung quanh chúng ta, giúp cuộc sống của ta trở nên viên mãn, ý nghĩa,... + Với cộng đồng, xã hội: ++ Ngôn từ có sức mạnh kết nối con người với nhau hoặc theo chiều hướng thân thiện hoặc sẽ theo chiều hướng xấu đi. ++ Hơn nữa, ngôn từ là linh hồn dân tộc, là tầm nhìn, chiến lược, vị thế của đất nước. ++ Ngôn từ có sức mạnh kết nối các quốc gia, văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc với nhau. Ngôn từ có thể được dịch và dùng để truyền tải thông điệp và giao tiếp với những người ở các quốc gia và vùng đất khác nhau, tạo ra sự đa dạng văn hóa, ứng xử, khẳng định sự tồn tại, phát triển của toàn nhân loại,... Làm thế nào để phát huy được sức mạnh ngôn từ? ++ Biết lắng nghe ++ Luyện tập kỹ năng giao tiếp từ những người khác ++ Đọc sách báo để rèn luyện kỹ năng giao tiếp,... Bài học nhận thức, hành động cho bản thân: Hiểu được sức mạnh của ngôn từ, luôn học hỏi, lắng nghe, trau dồi ngôn ngữ, không ngại khó, ngại khổ để nâng cao khả năng ngoại ngữ bên cạnh việc giữ gìn, phát huy tiếng mẹ đẻ,...	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.	1,5

	- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 4

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian làm bài: 90 phút

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Văng vẳng tai nghe tiếng chích choè,
Lặng đi kéo động khách lòng quê.
Nước non có tớ càng vui vẻ,
Hoa nguyệt nào ai đã đắm mê?
Quyên đã gọi hè quang quác quác,
Gà từng gáy sáng tẻ tẻ te.
Lại còn giục già về hay ở?
Đôi gót phong trần vẫn khoẻ khoe.*

(Trích: *Về hay ở*, Nguyễn Khuyến, in trong *Nguyễn Khuyến – Tác phẩm*, Nguyễn Văn Huyền tuyển chọn, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2002)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra các chữ có tác dụng hiệp vần trong văn bản?

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của tác từ láy tượng thanh được sử dụng trong văn bản?

Câu 4. Văn bản thể hiện tâm sự gì của nhân vật trữ tình?

Câu 5. Từ văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với mỗi con người.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (150 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của truyện “Thần Mưa”.

Thần Mưa là vị thần hình rồng, thường bay xuống hạ giới hút nước biển, nước sông vào bụng rồi bay lên trời cao phun nước ra làm mưa cho thế gian có nước uống và cây cối, cây cỏ trên mặt đất được tốt tươi. Thần Mưa thường theo lệnh Trời đi phân phát nước ở các nơi. Thần Mưa có tính hay quên, có vùng cả năm không đến, sinh ra hạn hán ở hạ giới, có vùng lại đến luôn, làm thành lụt lội. Do đó mà có lần người ở hạ giới phải lên kiện Trời vì Thần Mưa vắng mặt lâu ngày.

Công việc phân phối nước cho khắp mặt đất rất nặng nề, một mình thần Mưa có khi không làm hết, nên có lần trời mở một cuộc thi chọn các giống thủy tộc có tài trở thành rồng hút nước phun mưa để giúp sức thần Mưa. (...) Khi chiếu Trời ban xuống

dưới Thủy phủ, vua Thủy Tề loan báo cho các giống dưới nước ganh đua nhau mà dự thi. Trời cắt một viên Ngự sử ra sát hạch. Hạch có ba kỳ, mỗi kỳ vượt qua một đợt sóng, con vật nào đủ sức đủ tài, vượt được cả ba đợt, thì mới lấy đỗ mà cho hóa rồng. Trong một tháng trời, bao nhiêu loài thủy tộc đến thi đều bị loại cả, vì không con nào vượt qua được cả ba đợt sóng. Có con cá rô nhảy qua được một đợt thì bị rơi ngay, nên chỉ có một điểm. Có con tôm nhảy qua được hai đợt, ruột, gan, vây, vẩy, râu, đuôi đã gần hóa rồng, nhưng đến lượt thứ ba thì đuối sức ngã bổ xuống, lưng cong khoằm lại... Hai con cùng phải trở lại yên nghiệp ở đồng như trước. Đến lượt cá chép vào thi thì bỗng gió thổi ào ào, mây kéo đầy trời, chép vượt luôn một hồi qua ba đợt sóng, lọt vào cửa Vũ Môn. Cá chép đỗ, vây, đuôi, râu, sừng tự nhiên mọc đủ, dạng bộ oai nghi, cá chép hóa rồng phun nước làm ra mưa. Bởi vậy, về sau người ta có câu ví rằng:

“Gái ngoan lấy được chồng khôn,
Cầm như cá vượt Vũ Môn hóa rồng”.

(Theo Hoàng Minh, Việt Dũng, Thu Nga, *Thần thoại Việt Nam chọn lọc*, Nxb Thanh Niên, 2019)

Câu 2. (4.0 điểm)

Albert Einstein, nhà khoa học vĩ đại nhất của thế kỷ 20 từng cho rằng: “*Mỗi người sinh ra đều là thiên tài. Nhưng nếu bạn bắt một con cá thể hiện khả năng qua việc trèo cây, thì cả đời của nó sẽ sống và tin rằng nó chỉ là một đũa ngọc*”

Từ ý kiến trên, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ về chủ đề: *Khám phá sức mạnh bản thân*.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Thẻ thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.	0,5
	2	Các chữ có tác dụng hiệp vần trong văn bản: chòe, quê, mê, te, khoe. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời từ 02 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 01 chi tiết: 0,25 điểm	0,5
	3	Tác dụng của tác từ lấy tượng thanh được sử dụng trong văn bản: - Các từ lấy tượng thanh: quang quác quác, tè tè te. - Tác dụng: + Mô phỏng âm thanh của các loài vật + Là tiếng gọi của thời gian, của quê hương, cũng là sự giục giã của lòng người, khiến người xa quê muốn từ bỏ chốn quan trường để quay về quê cũ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm	1,0

		- Học sinh chỉ nêu được chủ đề về lòng hiếu thảo của anh Hết: 0,5 điểm.	
	4	Tâm sự của nhân vật trữ tình: - Nỗi nhớ mong quê hương tha thiết. - Nỗi phân vân, lòng mong mỏi muốn rời xa chốn quan trường xô bồ, thị phi để trở về với quê hương, với thiên nhiên yên bình nhằm “lánh đục tìm trong”. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm. - Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm	0,25 0,75
	5	Suy nghĩ về vai trò của quê hương đối với mỗi con người: - Quê hương là nơi ta sinh ra, là nơi gắn liền với những năm tháng ấu thơ tươi đẹp, nơi bồi dưỡng tâm hồn và nhân cách của ta trong những thời khắc đầu đời. - Quê hương là nơi có gia đình, có hàng xóm láng giềng, có hơi ấm của sự chở che, tình yêu thương. - Quê hương là bến đỗ của con người sau những giông bão của cuộc đời. Hướng dẫn chấm - Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm. - Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm. - Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm.	
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (150 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của truyện “Thần Mưa”.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn - Dung lượng đoạn văn: khoảng 150 chữ - Hình thức: thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo một trong các cách sau: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nội dung và nghệ thuật của truyện “Thần Mưa”.	0.25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện và ý kiến khái quát của học sinh về tác phẩm, điều khiến học sinh yêu thích tác phẩm ... - Phân tích, đánh giá về nội dung : + Truyện kể về công việc của thần Mưa và cuộc thi chọn rồng để làm mưa.Đồng thời cũng bộc lộ niềm mơ ước về việc mưa thuận gió hòa, mơ ước về sự thay đổi thân phận. + Thể hiện ước mơ, khát vọng của người xưa trong việc đi vào lí giải về các hiện tượng trong thế giới tự nhiên	0.5

		+ Thể hiện những nhận thức hồn nhiên, sơ khai về thế giới của người xưa + Lí giải về nguồn gốc của mưa, về nạn hạn hán, lũ lụt và sự tích cá chép hóa rồng - Phân tích, đánh giá về nghệ thuật: Thể hiện những đặc trưng của thể loại thần thoại như sự phong phú của trí tưởng tượng : + Không gian nghệ thuật: là không gian đặc trưng của thần thoại, bao gồm nhiều cõi: trời, người, thủy phủ + Thời gian nghệ thuật: mang đặc trưng của thần thoại, là thời gian cổ xưa, không xác định cụ thể + Cách xây dựng nhân vật độc đáo : mang đặc trưng thần thoại, là thần, có khả năng siêu nhiên (làm mưa) + Các yếu tố thần kì : vị thần làm ra mưa, rồng làm mưa, cá chép hóa rồng... + Lối kể chuyện hấp dẫn ... - Khẳng định lại chủ đề và giá trị nghệ thuật của tác phẩm; nêu ý nghĩa của truyện kể đối với bản thân.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về chủ đề: <i>Khám phá sức mạnh bản thân.</i>	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Suy nghĩ chủ đề: <i>Khám phá sức mạnh bản thân.</i>	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: Giải thích: <i>Khám phá sức mạnh bản thân</i> là khả năng phát hiện nguồn sức mạnh đang tiềm ẩn bên trong chính con người mình.	1,0

	Tại sao ta cần khám phá sức mạnh bản thân? + Từ khi được sinh ra chúng ta đã mang trong mình nguồn sức mạnh vô cùng to lớn, nhưng chúng ta lại lãng quên, và không quan tâm đến việc đi tìm cái vốn đã hiện hữu trong bản thân mình. + Cuộc sống với biết bao gian truân, thử thách khiến ta trở nên run rẩy, sợ hãi thậm chí thiếu tự tin vào năng lực bản thân. + Có những lúc ta không dám đưa ra ý kiến, quan điểm của riêng mình chỉ vì sợ sự đánh giá hay phán xét của người khác; thậm chí chúng ta còn nảy sinh suy nghĩ tiêu cực muốn hạn chế cả khả năng của những người xung quanh. Kết quả cuối cùng của những việc đó là chúng ta không thể thoát ra khỏi chính con người mình để phát huy tối đa năng lực và mãi mãi chôn chân trong sự tù túng,... Khám phá sức mạnh bản thân có ý nghĩa như thế nào? + Khám phá sức mạnh bản thân sẽ giúp mỗi cá nhân khơi dậy những năng lực thực sự đang còn tiềm ẩn bên trong con người mình; giúp mỗi người định hướng mục tiêu, đam mê, sẵn sàng đối mặt với trở ngại để thành công, để cống hiến, để sáng tạo, bứt phá, để hạnh phúc,... + Khám phá sức mạnh bản thân không chỉ có ý nghĩa đối với suy nghĩ và cuộc sống của riêng cá nhân mà còn khơi nguồn cảm hứng, tạo động lực, thúc đẩy sự tiến bộ của cộng đồng, xã hội,... Làm thế nào để có thể khám phá sức mạnh bản thân? + Sẵn sàng đương đầu với những trở ngại bất ngờ và loại trừ những rào cản ngay trong bản thân mình. Luôn suy nghĩ tích cực, tin vào trực giác, giữ vững lý tưởng và hãy tin rằng bạn luôn có một sức mạnh tồn tại bên trong bạn. + Sức mạnh của bản thân tạo ra sự khác biệt giữa bạn với người khác. Hãy đặt ra mục tiêu để vươn tới, sẽ có lúc bạn chợt nhận ra điều thật bình thường lại tạo nên sự khác biệt. + Để hiểu rõ sức mạnh của bản thân, bạn phải trải nghiệm thật về cuộc sống mình bằng sự tìm kiếm cơ hội và đối mặt với thử thách, lúc đó cuộc sống của bạn sẽ năng động hơn,...	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Đảm bảo cấu trúc: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. - Triển khai ít nhất được hai luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	1,5
	<i>đ. Diễn đạt.</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm		10,0

LƯU Ý : Trên đây chỉ là những gợi ý ôn tập . Các thầy cô dựa vào đặc điểm từng lớp để có kế hoạch và nội dung ôn tập cho phù hợp, linh hoạt và đạt hiệu quả cao nhất.